TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thừa;
2. Ông Nguyễn Vĩnh Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T-1995-yêu cầu vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (Nay là ấp H, xã T, thành phố Cần Thơ)

2. Bị đơn: Ông Đoàn Thanh T1-1993-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ (Nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà T và ông T1 do tự quen biết nhau, được sự chấp thuận của gia đình nên có tổ chức lễ vào khoảng tháng 5/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 không quan tâm lo lắng cho vợ con, tánh tình gia trưởng, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay gây gỗ, cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai quan tâm lo lắng cho ai. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 để trả tự do cho nhau. Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Đoàn Ngọc

Khánh T2 và Đoàn Thiên K-09/4/2017. Từ khi ly thân đến nay các con chung cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, thu nhập của bà T đảm bảo nuôi dưỡng các con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập hợp lệ ông T1 nhiều lần đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T1 không đến để trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1. Về con chung: Giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không lý do nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ (Nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân của bà T và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà T xác định vợ chồng đã có một thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Theo bà T trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 không quan tâm lo lắng cho vợ con, tánh tình gia trưởng, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay gây gỗ, cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình. Điều này, cho thấy ông T1 không muốn

hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà T xác định có 02 con chung với ông T1 tên là Đoàn Ngọc Khánh T2 và Đoàn Thiên K-09/4/2017. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dạy con là trách nhiệm chung của cha mẹ. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Từ trước đến nay, các con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, môi trường sống và sinh hoạt của các cháu đã ổn định. Bà T có thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dạy các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, ý kiến của cháu T3 và cháu K cũng đồng ý sống chung với mẹ, không yêu cầu gì ở cha. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao các con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Đoàn Thanh T1.

Về con chung: Công nhận bà T và ông T1 có 02 con chung tên là Đoàn Ngọc Khánh T2 và Đoàn Thiên K-09/4/2017. Giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T1 không ai được cản trở. Bà T và ông T1 có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0004046 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cũ tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, công nhận bà T đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV4-CT;
- Phòng THADS KV4-CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Sáu